

GIAO NHẬN VẬN TẢI QUỐC TẾ TRONG XUẤT NHẬP KHẨU



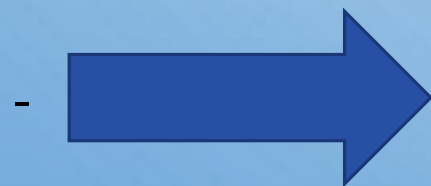
I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

ƯU ĐIỂM:

- TUYẾN ĐƯỜNG TỰ NHIÊN
- NĂNG LỰC CHUYÊN CHỞ KHÔNG HẠN CHẾ
- CƯỚC PHÍ THẤP

NHƯỢC ĐIỂM:

- THỜI GIAN VẬN CHUYỂN CHẬM
- RỦI RO CAO, TỔN THẤT LỚN
- BỊ PHỤ THUỘC VÀO ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN



SO SÁNH VỚI ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG?

I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

SEA



Khối lượng lớn



Gía trị không quá cao



Thời gian dài

AIR



Khối lượng nhỏ



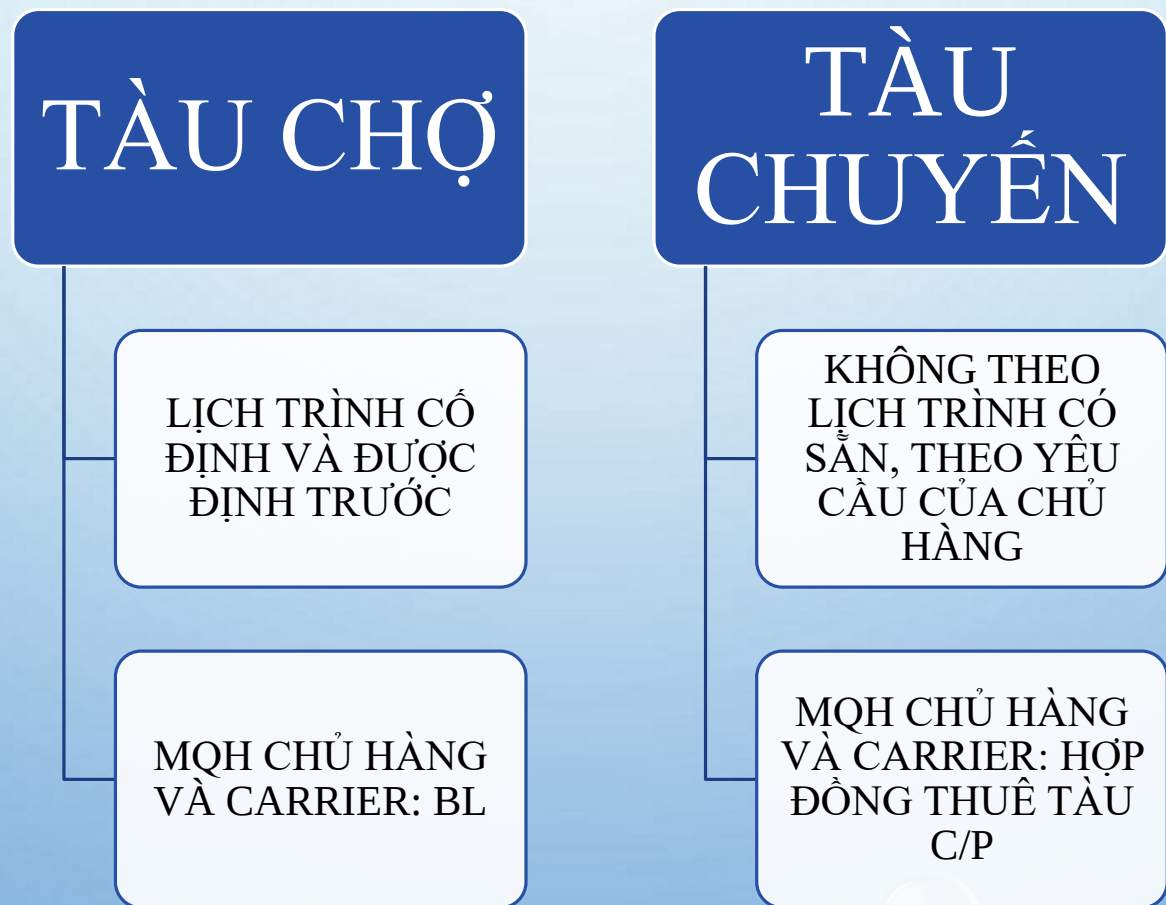
Gía trị cao



Thời gian ngắn

I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

HAI PHƯƠNG THỨC THUÊ TÀU



I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

TUYẾN ĐƯỜNG TRONG VẬN TẢI BIỂN

DIRECT

- ĐI THẲNG TỪ POL-POD

TRANSIT

- CHUYỂN TẢI QUA 1
HOẶC NHIỀU CẢNG

I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN(BILL OF LADING) B/L

- VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN: VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN LÀ CHỨNG TỪ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG BIỂN DO NGƯỜI CHUYÊN CHỞ HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI CHUYÊN CHỞ PHÁT HÀNH CHO NGƯỜI GỬI HÀNG SAU KHI HÀNG HOÁ ĐÃ ĐƯỢC XẾP LÊN TÀU HOẶC SAU KHI NHẬN HÀNG ĐỂ XẾP
- CHỨC NĂNG CỦA VẬN ĐƠN:
 - BẰNG CHỨNG CỦA VIỆC GỬI HÀNG VÀ NHẬN HÀNG ĐỂ CHỞ
 - XÁC NHẬN QUYỀN SỞ HỮU HÀNG HÓA
 - BẰNG CHỨNG XÁC NHẬN HỢP ĐỒNG CHUYÊN CHỞ

I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN(BILL OF LADING) B/L

- PHÂN LOẠI VẬN ĐƠN:
- ➤ CĂN CỨ VÀO TÌNH TRẠNG XẾP DỠ HÀNG HOÁ: VẬN ĐƠN ĐÃ XẾP HÀNG (SHIPPED ON BOARD BILL OF LADING); VẬN ĐƠN NHẬN HÀNG ĐỂ XẾP (RECEIVED FOR SHIPMENT BILL OF LADING)
- ➤ CĂN CỨ VÀO QUYỀN CHUYỂN NHƯỢNG SỞ HỮU HÀNG HOÁ: VẬN ĐƠN ĐÍCH DANH (STRAIGHT BILL OF LADING); VẬN ĐƠN VÔ DANH (BILL OF LADING TO BEARER; VẬN ĐƠN THEO LỆNH (BILL OF LADING TO ORDER OF...))
- ➤ CĂN CỨ VÀO PHÊ CHÚ THUYỀN TRƯỞNG: VẬN ĐƠN HOÀN HẢO (CLEAN BILL OF LADING); VẬN ĐƠN KHÔNG HOÀN HẢO (UNCLEAN BILL OF LADING)
- ➤ CĂN CỨ VÀO VÀO HÀNH TRÌNH CỦA HÀNG HOÁ: VẬN ĐƠN ĐI THẲNG (DIRECT BILL OF LADING); VẬN ĐƠN CHỞ SUỐT (THROUGH BILL OF LADING); VẬN ĐƠN ĐA PHƯƠNG THỨC (MULTIMODAL TRANSPORT BILL OF LADING)
- ➤ CĂN CỨ VÀO PHƯƠNG THỨC THUÊ TÀU: VẬN ĐƠN TÀU CHỢ (LINER BILL OF LADING); VẬN ĐƠN TÀU CHUYỂN (VOYAGE BILL OF LADING); VẬN ĐƠN CONTAINER (CONTAINER BILL OF LADING)
- ➤ CĂN CỨ VÀO GIÁ TRỊ SỬ DỤNG VÀ LƯU THÔNG: VẬN ĐƠN GỐC (ORIGINAL BILL OF LADING); VẬN ĐƠN COPPY (COPPY OF LADING)

I. GIAO NHẬN VÀ NÂNG TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

Shipper: FREIGHT FORWARDER QUOTE ONLINE USA 601 South Figueroa Street 4050 Angeles, CA 90017		Bill of Lading Number 500158002	
Consignee (if "To Order" so indicate): FREIGHT FORWARDER QUOTE ONLINE AUSTRALIA LVL 2, 44 Market Street NSW 2000		EXPRESS EXPRESS BILL OF LADING	
Notify party (No claim shall attach for failure to notify): FREIGHT FORWARDER QUOTE ONLINE AUSTRALIA LVL 2, 44 Market Street NSW 2000		FREIGHT FORWARDER QUOTEONLINE.COM	
Vessel: ANL SINDAREE / 4355		Port of Loading: CHICAGO, UNITED STATES	
Port of Discharge: SYDNEY, AUSTRALIA	Destination (if on-carriage): SYDNEY, AUSTRALIA	Freight Payable at: SYDNEY, AUSTRALIA	Excess Value Declaration: Refer to Clause 1 (4) & (5) on reverse side
Marks and Numbers: FFQD P/NO 1 - 3		Number and Kind of packages: 3 Pallet(s) TOYS	Description of Goods: 2073.845 KG 5.171 M3
Container seals: FSCU8100309 4411711	Type: 20GP	Weight: 2073.846 KG	Volume: 5.171 M3
INCOTERM: FOB		Consol Ref: C00001528 SHIPPED ON BOARD	
Bill of Lading must be surrendered to: FREIGHT FORWARDER QUOTE ONLINE LEVEL 2 REVERSE SIDE QUAY, 1 SOUTH BANK BOULEVARD SOUTHBANK VIC 3006 AUSTRALIA		Freight Details, Charges, etc.	
Phone: 1300651233			
Place and Date of issue:			

SAMPLE ONLY

I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

MBL VS HBL

	MBL	HBL
Phát hành bởi	Chủ tàu	Công ty giao nhận
Nguồn luật quốc tế điều chỉnh	Công ước quốc tế Hague Rules, Hague Visby Rules hoặc Hamburge Rules	Không có
Người gửi hàng/ nhận hàng	Shipper/ consignee	Consignor/ consignee
Thời hạn khiếu nại	1 năm	9 tháng

I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

B/L VS SEAWAY BILL

- **NGUYÊN NHÂN RA ĐỜI SWB:**

- + VIỆC SỬ DỤNG VẬN ĐƠN ĐÃ VÀ ĐANG CÓ NHỮNG TRỞ NGẠI ĐÁNG KỂ ĐỐI VỚI VIỆC LUÂN CHUYỂN HÀNG HÓA. KHI NHẬN HÀNG HÓA, PHẢI XUẤT TRÌNH VẬN ĐƠN GỐC, MÀ VIỆC GỬI VẬN ĐƠN GỐC QUA ĐƯỜNG BƯU ĐIỆN THƯỜNG CHẬM.
- + CHI PHÍ ĐỂ PHÁT HÀNH VÀ LƯU THÔNG VẬN ĐƠN CŨNG KO NHỎ, ĐỀ PHÒNG GIẢ MẠO, NGƯỜI TA IN CHỮ Ở MẶT SAU VẬN ĐƠN RẤT NHỎ, DO VẬY CÔNG IN RẤT ĐẮT.
- + VIỆC CHUYỂN VẬN ĐƠN TỪ NGƯỜI BÁN SANG NGƯỜI MUA QUA ĐƯỜNG BƯU ĐIỆN VẪN CÒN MANG NẶNG TÍNH THỦ CÔNG, ĐƠN GIẢN.

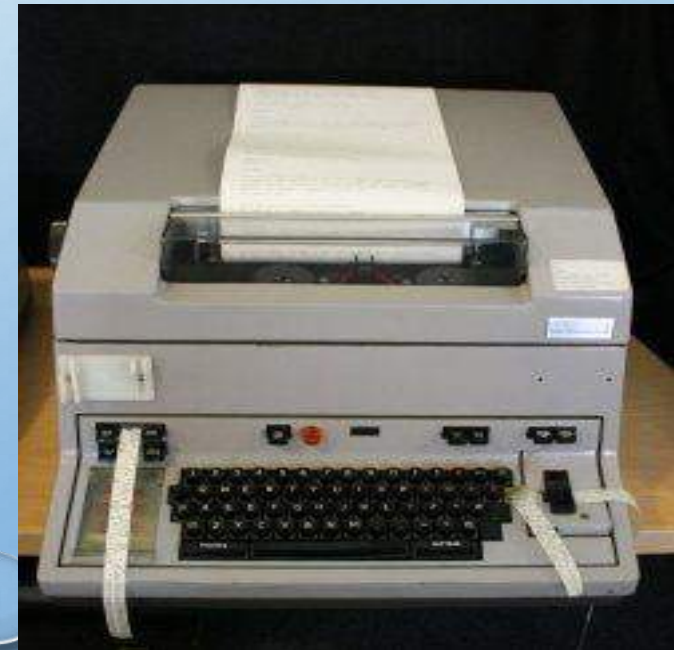
SỰ KHÁC NHAU GIỮA VẬN ĐƠN SEAWAY BILL VÀ B/L

- + VẬN ĐƠN CÓ 3 CHỨC NĂNG NHƯNG SEAWAY BILL CHỈ CÓ 2 CHỨC NĂNG ; SEAWAY BILL KO CÓ CHỨC NĂNG LƯU THÔNG, TRÊN BỀ MẶT NÓ THƯỜNG ĐƯỢC IN CHỮ « NO-NEGOTIABLE ».
- + TRÊN VẬN ĐƠN CÓ IN ĐẦY ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN CHỖ NHƯNG TRÊN MẶT SAU CỦA SEAWAY BILL HOẶC ĐỂ TRỐNG HOẶC GHI CHÚ LƯU Ý KHI SỬ DỤNG.
- + SEAWAY BILL ĐƯỢC GỬI THEO TÀU CÒN VẬN ĐƠN THÌ KHÔNG.

I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

ORIGINAL BL VS TELEX RELEASE/ SURRENDERED BL

- SURRENDERED BILL OF LADING – VẬN ĐƠN ĐÃ NỘP TẠI CẢNG BỐC HÀNG(PORT OF LOADING): KHI CHỦ HÀNG(SHIPPER) YÊU CẦU SURRENDERED B/L CÓ NGHĨA LÀ HỌ GỬI YÊU CẦU CỦA MÌNH ĐẾN HÃNG TÀU(SHIPPING LINES) HAY CÔNG TY GIAO NHẬN(FORWARDER) YÊU CẦU TRẢ HÀNG(RELEASE CARGO) CHO NGƯỜI NHẬN HÀNG (CNEE) MÀ KHÔNG CẦN B/L GỐC NỘP TẠI CẢNG ĐẾN(PORT OF DISCHARGE).
- SURRENDERED B/L ĐI KÈM VỚI KHÁI NIỆM ĐIỆN GIAO HÀNG (TELEX RELEASE), ĐƠN GIẢN LÀ PHƯƠNG THỨC TRUYỀN TIN CỦA HÃNG TÀU HAY CÔNG TY GIAO NHẬN TẠI CẢNG BỐC HÀNG ĐẾN VĂN PHÒNG HAY ĐẠI LÝ CỦA HỌ TẠI CẢNG ĐỖ HÀNG RẰNG VẬN ĐƠN GỐC ĐÃ NỘP TẠI CẢNG ĐẾN VÀ YÊU CẦU TRẢ HÀNG (RELEASE) CHO NGƯỜI NHẬN HÀNG(CNEE).



I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

CÁC LOẠI CONTAINER

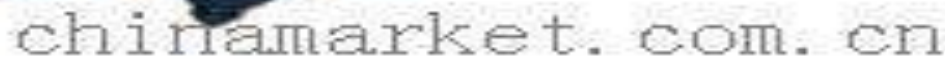
1. CONTAINER BÁCH HÓA (GENERAL PURPOSE CONTAINER)



Dry container: 20'DC/ 40'DC

Kích thước		Container 20' (20'DC)		Container 40' thường (40'DC)		Container 40' cao (40'HC)	
		hệ Anh	hệ mét	hệ Anh	hệ mét	hệ Anh	hệ mét
Bên ngoài	Dài	19' 10,5"	6,058 m	40'	12,192 m	40'	12,192 m
	Rộng	8'	2,438 m	8'	2,438 m	8'	2,438 m
	Cao	8'6"	2,591 m	8'6"	2,591 m	9'6"	2,896 m
Bên trong (tối thiểu)	Dài		5,867 m		11,998 m		11,998 m
	Rộng		2,330 m		2,330 m		2,330 m
	Cao		2,350 m		2,350 m		2,655 m
Trọng lượng toàn bộ (hàng & vỏ)		52,900 lb	24,000 kg	67,200 lb	30,480 kg	67,200 lb	30,480 kg

2. CONTAINER HÀNG RỎI (BULK CONTAINER)



I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

CÁC LOẠI CONTAINER

3. CONTAINER BẢO ÔN (THERMAL CONTAINER)



Reefer container: 20'RF/ 40'RF

I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

CÁC LOẠI CONTAINER

4. CONTAINER HỖ MÁI

OPEN-TOP CONTAINER

Dimensions	Open Top 20'		Open Top 40'	
Inside length	19'4"	5.89 m	39'5"	12.01 m
Inside width	7'7"	2.31 m	7'8"	2.33 m
Inside height	7'8"	2.33 m	7'8"	2.33 m
Door width	7'6"	2.28 m	7'8"	2.33 m
Door height	7'2"	2.18 m	7'5"	2.26 m
Capacity	1,136 ft ³	32.16 m ³	2,350 ft ³	66.54 m ³
Tare weight	5,280 lb	2,394 kg	8,490 lb	3,850 kg
Payload	47,620 lb	21,600 kg	58,710 lb	26,630 kg
Gross weight	52,900 lb	23,994 kg	67,200 lb	30,480 kg



I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

CÁC LOẠI CONTAINER

5. CONTAINER MẶT BẰNG (PLATFORM CONTAINER)



I. GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

CÁC LOẠI CONTAINER

6. CONTAINER BỒN (TANK CONTAINER)



II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

KỸ THUẬT ĐÓNG HÀNG VÀO CONTAINER

- 1. ĐẶC ĐIỂM CỦA HÀNG HOÁ CẦN CHUYÊN CHỞ.
- 2. XÁC ĐỊNH VÀ KIỂM TRA CÁC LOẠI, KIỂU CONTAINER KHI XỬ DỤNG
- 3. KỸ THUẬT XẾP, CHÈN LÓT HÀNG HOÁ TRONG CONTAINER

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

KỸ THUẬT ĐÓNG HÀNG VÀO CONTAINER

1. ĐẶC ĐIỂM CỦA HÀNG HOÁ CẦN CHUYÊN CHỞ.

KHÔNG PHẢI HÀNG HOÁ NÀO CŨNG PHÙ HỢP CHUYÊN CHỞ BẰNG CONTAINER.

- NHÓM 1: CÁC LOẠI HÀNG HOÀN TOÀN PHÙ HỢP VỚI CHUYÊN CHỞ BẰNG CONTAINER: HÀNG BÁCH HOÁ, THỰC PHẨM ĐÓNG HỘP, DƯỢC LIỆU Y TẾ, SẢN PHẨM DA, NHỰA HAY CAO SU, DỤNG CỤ GIA ĐÌNH, TỜ, SỢI, VẢI VÓC, SẢN PHẨM KIM LOẠI, ĐỒ CHƠI, ĐỒ GỖ...
- NHÓM 2: CÁC LOẠI HÀNG PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN CHUYÊN CHỞ BẰNG CONTAINER: THAN, QUẶNG, CAO LẠNH... TỨC LÀ CÁC MẶT HÀNG CÓ GIÁ TRỊ THẤP VÀ SỐ LƯỢNG BUÔN BÁN LỚN. TUY NHIÊN VỀ MẶT HIỆU QUẢ KINH TẾ LẠI KHÔNG PHÙ HỢP (TỶ LỆ GIỮA CƯỚC VÀ GIÁ TRỊ CỦA HÀNG HOÁ.)
- NHÓM 3: CÁC LOẠI HÀNG CÓ TÍNH CHẤT LÝ, HOÁ ĐẶC BIỆT NHƯ: HÀNG DỄ HỎNG, HÀNG ĐÔNG LẠNH, SÚC VẬT SỐNG, HÀNG SIÊU NẶNG, HÀNG NGUY HIỂM ĐỘC HẠI...
- NHÓM 4: CÁC LOẠI HÀNG PHÙ HỢP VỚI VẬN CHUYỂN CHỞ BẰNG CONTAINER NHƯ: SẮT HỘP, PHÉ THẢI, SẮT CUỘN, HÀNG SIÊU TRỌNG, ÔTÔ TẢI HẠNG NẶNG, CÁC CHẤT PHÓNG XẠ...

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

KỸ THUẬT ĐÓNG HÀNG VÀO CONTAINER

2. KIỂM TRA CONTAINER TRƯỚC KHI ĐÓNG HÀNG:

- KIỂM TRA BÊN NGOÀI CONTAINER: QUAN SÁT VÀ PHÁT HIỆN CÁC DẤU VẾT HƯ HỎNG, KHE NÚT, LỖ THỦNG, BIẾN DẠNG MÉO MÓ DO VA ĐẬP...
- KIỂM TRA BÊN TRONG CONTAINER: KIỂM TRA ĐỘ KÍN (BẰNG CÁCH KHÉP CỬA), KIỂM TRA ĐÌNH TÁN, RIVÊ XEM CÓ BỊ HƯ HỎNG HAY NHÔ LÊN KHÔNG, LỖ THÔNG GIÓ, ỐNG DẪN HƠI LẠNH, SÀN CONTAINER...
- KIỂM TRA CỬA CONTAINER: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHI ĐÓNG, MỞ CỬA VÀ CHÓT ĐỆM CỬA... ĐẢM BẢO CỬA ĐÓNG MỎ AN TOÀN, NIÊM PHONG CHẮC CHẮN, KÍN KHÔNG ĐỂ NƯỚC XÂM NHẬP VÀO.
- KIỂM TRA TÌNH TRẠNG VỆ SINH CONTAINER: CONTAINER PHẢI DỌN VỆ SINH TỐT, KHÔ RÁO, KHÔNG BỊ MÙI HÔI, HAY DÂY BẦN.
- KIỂM TRA CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CONTAINER ĐƯỢC GHI TRÊN VỎ HOẶC GHI TRÊN BIÊN CHỨNG NHẬN AN TOÀN: TRỌNG LƯỢNG TỐI ĐA (MAXIMUM GROSS WEIGHT); TRỌNG TẢI TỊNH CỦA CONTAINER (MAXIMUM PAYLOAD), TRỌNG LƯỢNG VỎ CONTAINER (TARE WEIGHT), DUNG TÍCH CONTAINER (CONTAINER INTERNAL CAPACITY)

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

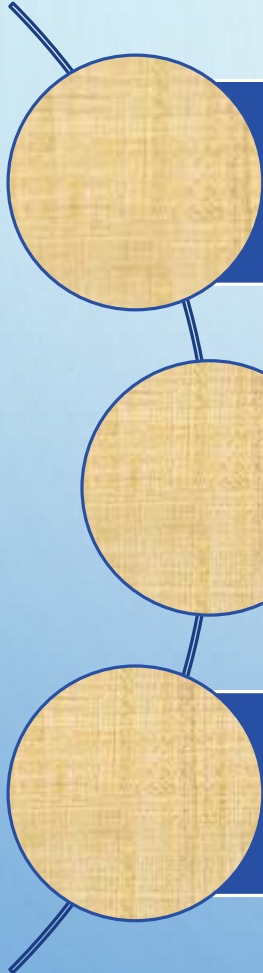
KỸ THUẬT ĐÓNG HÀNG VÀO CONTAINER

S KỸ THUẬT CHẤT XẾP, CHÈN LÓT HÀNG HOÁ TRONG CONTAINER:

- PHÂN BỐ ĐỀU HÀNG HOÁ TRÊN MẶT SÀN CONTAINER
- CHÈN ĐỆM VÀ ĐỘN LÓT HÀNG HOÁ TRONG CONTAINER
- GIA CỐ HÀNG HOÁ TRONG CONTAINER
- HẠN CHẾ VÀ GIẢM BỚT ÁP LỰC HOẶC CHẤN ĐỘNG
- CHỐNG HIỆN TƯỢNG HÀNG HOÁ BỊ NÓNG, HẤP HƠI

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

3 PHƯƠNG PHÁP GỬI HÀNG



NGUYÊN CONTAINER FCL (Full container load)

LẺ CONTAINER LCL (Less than container load)

GỬI HÀNG KẾT HỢP (FCL/LCL – LCL/FCL)

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

3 PHƯƠNG PHÁP GỬI HÀNG

FCL: Khi người gửi hàng có khối lượng hàng đồng nhất đủ để chứa đầy một container hoặc nhiều container, người ta thuê một hoặc nhiều container để gửi hàng.

1. Trách nhiệm của người gửi hàng (Shipper)

Người gửi hàng FCL sẽ có trách nhiệm:

- Thuê và vận chuyển container rỗng về kho hoặc nơi chứa hàng của mình để đóng hàng.
- Đóng hàng vào container kể cả việc chất xếp, chèn lót hàng trong container.
- Đánh mã ký hiệu hàng và ký hiệu chuyên chở.
- Làm thủ tục hải quan và niêm phong kẹp chì theo quy chế xuất khẩu.
- Vận chuyển và giao container cho người chuyên chở tại bãi container (CY), đồng thời nhận vận đơn do người chuyên chở cấp.
- Chịu các chi phí liên quan đến các thao tác nói trên.



II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

3 PHƯƠNG PHÁP GỬI HÀNG

2. Trách nhiệm của người chuyên chở (Carrier)

Người chuyên chở có những trách nhiệm sau:

- Phát hành vận đơn cho người gửi hàng.
- Quản lý, chăm sóc, gửi hàng hóa chất xếp trong container từ khi nhận container tại bãi container (container yard) cảng gửi cho đến khi giao hàng cho người nhận tại bãi container cảng đích.
- Bốc container từ bãi container cảng gửi xuống tàu để chuyên chở, kể cả việc chất xếp container lên tàu.
- Dỡ container khỏi tàu lên bãi container cảng đích.
- Giao container cho người nhận có vận đơn hợp lệ tại bãi container.
- Chịu mọi chi phí về thao tác nói trên.



II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

3 PHƯƠNG PHÁP GỬI HÀNG

3. Trách nhiệm của người nhận chở hàng

Người nhận chở hàng ở cảng đích có trách nhiệm:

- Thu xếp giấy tờ nhập khẩu và làm thủ tục hải quan cho lô hàng.
- Xuất trình vận đơn (B/L) hợp lệ với người chuyên chở để nhận hàng tại bãi container.
- Vận chuyển container về kho bãi của mình, nhanh chóng rút hàng và hoàn trả container rỗng cho người chuyên chở (hoặc công ty cho thuê container).
- Chịu mọi chi phí liên quan đến thao tác kể trên, kể cả chi phí chuyên chở container đi về bãi chứa container.



II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

QUY TRÌNH GỬI HÀNG FCL

01 Pickup

We come to the designated warehouse and bring empty containers to pick up your cargo.



02 Transportation and Relocation

Containers loaded with the cargo are transported and relocated to the container yard (CY) of the port of embarkation.



03 Customs Clearance

An export declaration is made for each container using NACCS (Nippon Automated Cargo and Port Consolidation System).



05 Loading and Departure

Containers granted export approval are loaded onto the cargo ship at the container yard and depart the port.



04 Customs Approval

If there are no issues with the declaration, customs approval is granted. If a customs inspection is deemed necessary the cargo will undergo a sampling or complete inspection.



II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

QUY TRÌNH NHẬN HÀNG FCL

01 Arrival

Containers are unloaded after the main ship arrives.



02 Relocation

Unloaded containers are relocated to the container yard.



03 Customs Clearance

An import declaration is made using NACCS (Nippon Automated Cargo and Port Consolidation System).



05 Delivery

Cargo granted import approval is delivered to the warehouse designated by the customer.



04 Customs Approval

If there are no issues with the declaration, customs approval is granted. If a customs inspection is deemed necessary, the cargo will undergo a sampling or complete inspection.



II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

3 PHƯƠNG PHÁP GỬI HÀNG

LCL: là những lô hàng đóng chung trong một container mà người gom hàng (người chuyên chở/người giao nhận - Consolidator) phải chịu trách nhiệm đóng hàng và dỡ hàng vào – ra container.

➤ Trách nhiệm của người gửi hàng:

- Vận chuyển hàng hoá từ nơi chứa hàng của mình trong nội địa đến giao cho người nhận tại trạm đóng container (CFS – Container Freight Station) của người gom hàng và chịu chi phí này.
- Chuyển cho người gom hàng những chứng từ cần thiết liên quan đến hàng hoá, vận tải và quy chế thủ tục hải quan.
- Nhận vận đơn của người gom hàng (Bill of lading) và trả cước hàng lẻ.

➤ Trách nhiệm của người nhận hàng lẻ:

- Thu xếp giấy phép nhập khẩu và làm thủ tục hải quan cho lô hàng
- Xuất trình vận đơn hợp lệ với người gom hàng hoặc đại diện của người gom hàng để nhận hàng tại bãi trả hàng ở cảng đích
- Nhanh chóng nhận hàng tại trạm trả hàng CFS

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

➤ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CHUYÊN CHỞ/NGƯỜI GIAO NHẬN (CONSOLIDATOR):

+ NGƯỜI CHUYÊN CHỞ THỰC (HÃNG TÀU): LÀ NGƯỜI KINH DOANH CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ LẺ, THƯỜNG DO CÁC CÔNG TY GIAO NHẬN ĐÚNG RA KINH DOANH TRÊN DANH NGHĨA NGƯỜI GOM HÀNG.

- HỌ ĐÚNG RA TIỀN HÀNH CHUYÊN CHỞ HÀNG LẺ, KÝ PHÁT VẬN ĐƠN THỰC CHO NGƯỜI GỬI HÀNG, BỐC CONTAINER XUỐNG TÀU, VẬN CHUYỂN ĐẾN BÃI TRẢ HÀNG VÀO GIAO HÀNG CHO NGƯỜI NHẬN HÀNG GIỮ B/L.

+ NGƯỜI TỔ CHỨC CHUYÊN CHỞ HÀNG LẺ:

- LÀ NGƯỜI ĐÚNG RA CHUYÊN CHỞ HÀNG LẺ, THƯỜNG DO CÁC CÔNG TY GIAO NHẬN ĐÚNG RA TRÊN DANH NGHĨA NGƯỜI GOM HÀNG.

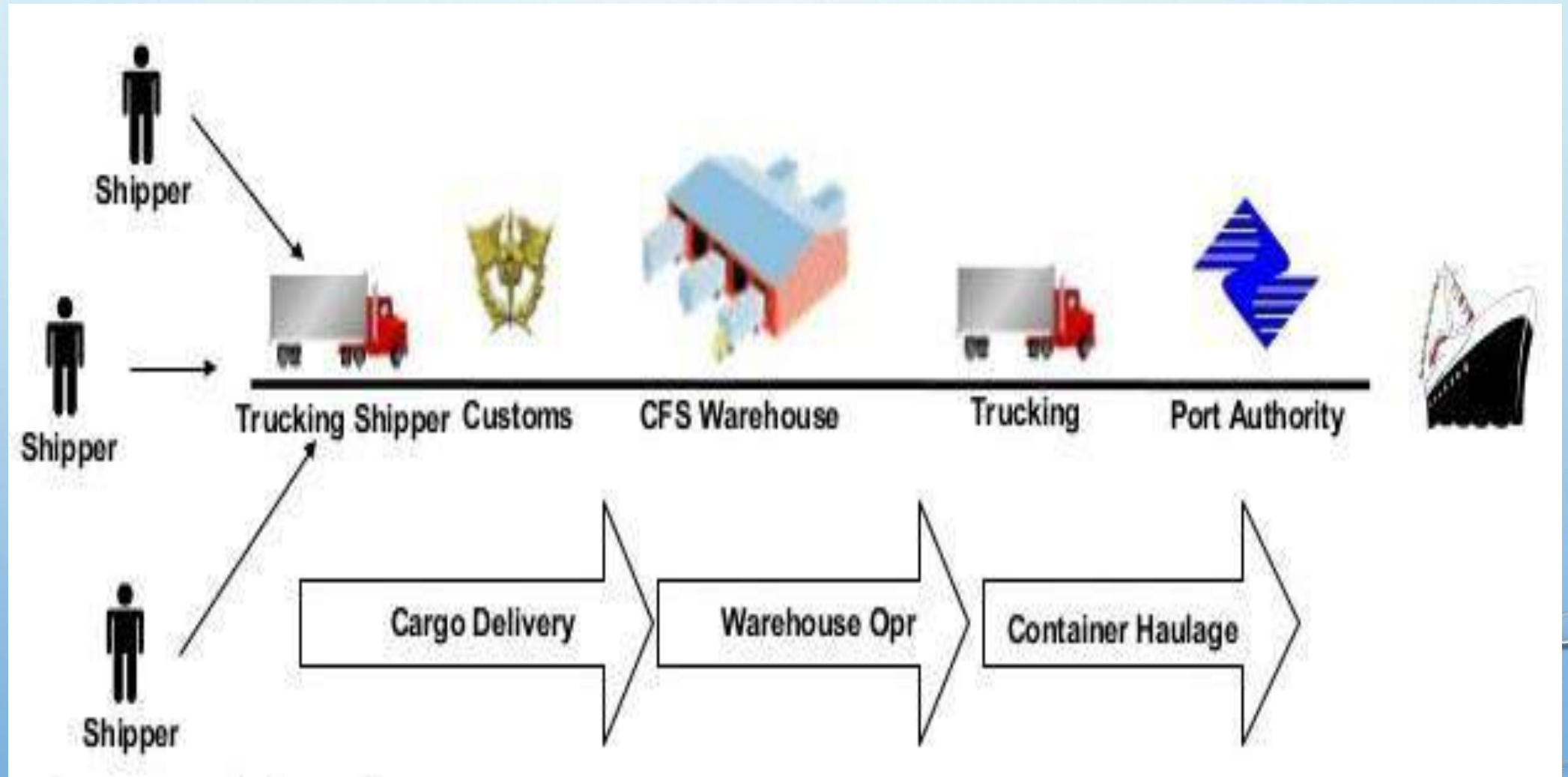
- HỌ CHỊU TRÁCH NHIỆM SUỐT QUÁ TRÌNH VẬN CHUYỂN HÀNG

- CẤP VẬN ĐƠN CHO NGƯỜI GỬI HÀNG: HOUSE BILL OF LADING

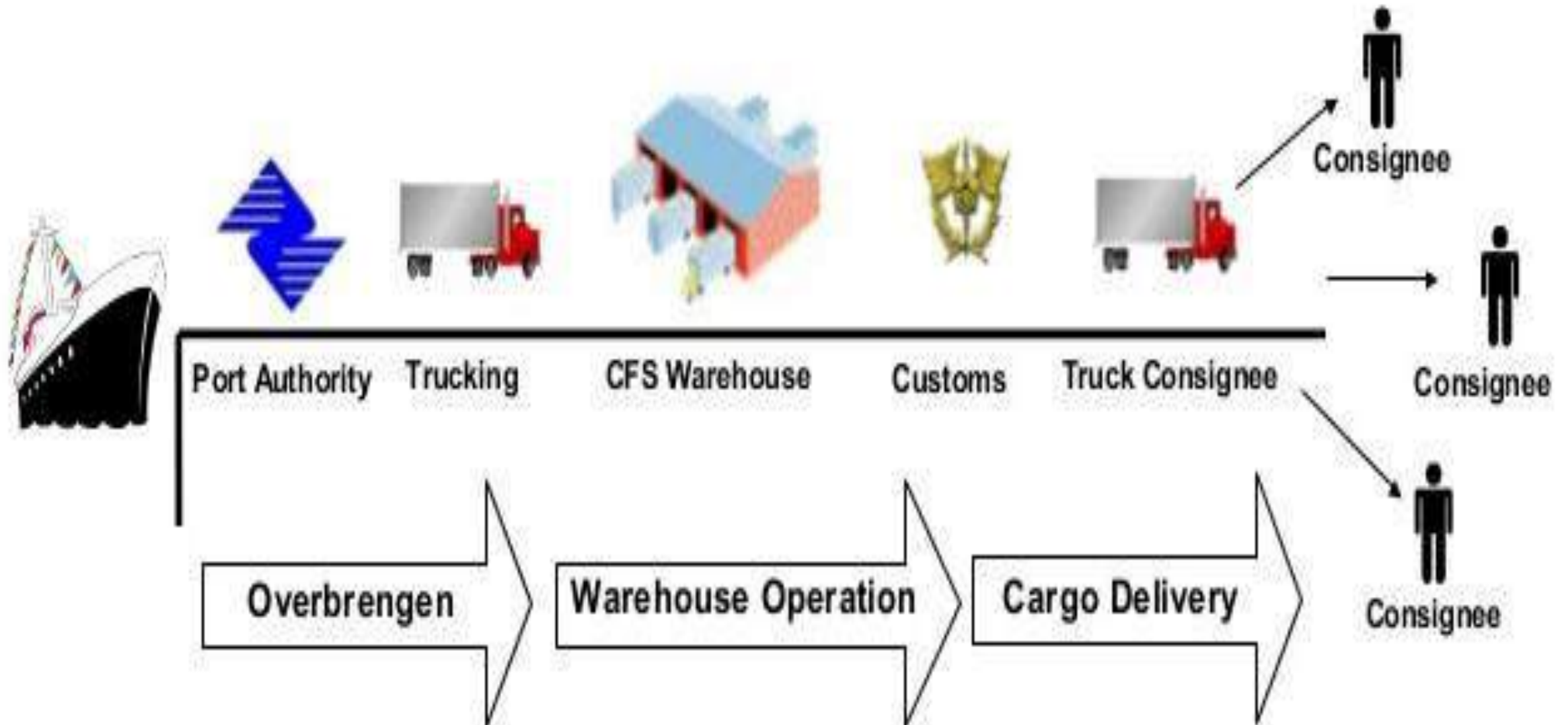
- HỌ KHÔNG CÓ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, VÌ VẬY PHẢI THUÊ TÀU ĐỂ VẬN CHUYỂN CÁC LÔ HÀNG ĐÃ ĐƯỢC XẾP TRONG CONTAINER, NIÊM PHONG, KẸP CHÌ.

- NGƯỜI CHUYÊN CHỞ BỐC CONTAINER LÊN TÀU VÀ KÝ PHÁT VẬN ĐƠN CHO NGƯỜI GOM HÀNG (MASTER OCEAN OF BILL LADING – VẬN ĐƠN CHỦ), VẬN CHUYỂN ĐẾN CẢNG ĐÍCH, DỠ CONTAINER VÀ GIAO CHO ĐẠI LÝ HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI GOM HÀNG Ở CẢNG ĐÍCH.

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER



II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER



II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

GỬI HÀNG KẾT HỢP (FCL/LCL – LCL/FCL):

- PHƯƠNG PHÁP GỬI HÀNG NÀY LÀ SỰ KẾT HỢP CỦA PHƯƠNG PHÁP LCL VÀ FCL
- CÓ HAI PHƯƠNG PHÁP GỬI HÀNG KẾT HỢP:
 - GỬI NGUYÊN, GIAO LẺ (FCL/LCL)
 - GỬI LẺ, GIAO NGUYÊN (LCL/FCL)



II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

CƯỚC PHÍ VẬN CHUYỂN

➤ MỨC CƯỚC PHÍ CONTAINER PHỤ THUỘC VÀO NHỮNG YẾU TỐ SAU:

- LOẠI, CỖ CONTAINER (LỚN HAY NHỎ; CHUYÊN DỤNG HAY KHÔNG CHUYÊN DỤNG)
- LOẠI HÀNG HOÁ XẾP TRONG CONTAINER
- MỨC ĐỘ SỬ DỤNG TRỌNG TẢI CONTAINER
- CHIỀU DÀI VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TUYẾN ĐƯỜNG CHUYÊN CHỞ

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

CƯỚC PHÍ VẬN CHUYỂN

CƯỚC VẬN CHUYỂN CONTAINER TÍNH THEO MẶT HÀNG (CBR – COMMODITY BOX RATE)

- ĐÂY LÀ MỨC CƯỚC KHOẢN GỘP CHO VIỆC CHUYÊN CHỞ MỘT CONTAINER CHỨA MỘT MẶT HÀNG RIÊNG BIỆT
- NGƯỜI CHUYÊN CHỞ CĂN CỨ VÀO KHẢ NĂNG SỬ DỤNG TRUNG BÌNH CỦA CONTAINER ĐỂ TÍNH TOÁN VÀ ẮN ĐỊNH MỨC CƯỚC
- VỚI CÁC TÍNH NÀY NẾU CHỦ HÀNG ĐÓNG THÊM ĐƯỢC HÀNG SẼ CÓ LỢI HƠN

VD: 1X20GP GẠO TỪ SHA-HPH LÀ USD 300.00

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

CƯỚC PHÍ VẬN CHUYỂN

CƯỚC CONTAINER TÍNH CHUNG CHO MỌI LOẠI HÀNG (FAK – FREIGHT ALL KINDS RATE)

- MỌI MẶT HÀNG ĐỀU PHẢI ĐÓNG MỘT GIÁ CƯỚC CHO CÙNG MỘT CHUYẾN CONTAINER MÀ KHÔNG TÍNH ĐẾN GIÁ TRỊ HÀNG HOÁ TRONG CONTAINER
- NGƯỜI CHUYÊN CHỞ CĂN CỨ VÀO TỔNG CHI PHÍ DỰ TÍNH CỦA CHUYẾN ĐI CHIA CHO SỐ CONTAINER DỰ TÍNH VẬN CHUYỂN
- SO VỚI CƯỚC PHÍ CBR, CƯỚC PHÍ FAK HỢP LÝ HƠN VÌ ĐVI, XẾP, DỠ HÀNG VÀ CHIẾM CHỖ TRÊN TÀU LÀ CONTAINER ▪ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHUYÊN CHỞ, SẼ DỄ DÀNG HƠN TRONG VIỆC TÍNH TOÁN
- CHỦ HÀNG CÓ HÀNG HOÁ GIÁ TRỊ CAO HƠN THÌ LỢI, GIÁ TRỊ THẤP LẠI BẤT LỢI

VD: 1X20GP TỪ SHA-HPH LÀ USD 300.00

1X40GP TỪ SHA-HPH LÀ USD 600.00

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

CƯỚC PHÍ VẬN CHUYỂN

CƯỚC PHÍ HÀNG LẺ

- CŨNG GIỐNG NHƯ TÀU CHỢ, LOẠI CƯỚC NÀY ĐƯỢC TÍNH THEO TRỌNG LƯỢNG, THỂ TÍCH HOẶC GIÁ TRỊ CỦA HÀNG HOÁ ĐÓ (TUỖ THEO SỰ LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI CHUYÊN CHỞ).
- THƯỜNG TÍNH THEO CBM/ MT TÙY CÁI NÀO CAO HƠN

VD: OF USD 30/CBM SHA-HPH

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG CONTAINER

CƯỚC PHÍ VẬN CHUYỂN

CHI PHÍ VẬN CHUYỂN CHO 1 LÔ HÀNG VẬN CHUYỂN BẰNG CONTAINER:

- OCEAN FREIGHT

- MỘT SỐ PHỤ PHÍ CƠ BẢN:

BAF (BUNKER ADJUSTMENT FACTOR): PHỤ PHÍ BIẾN ĐỘNG GIÁ NHIÊN LIỆU

EBS: EMERGENCY BUNKER SURCHARGE: PHỤ PHÍ XĂNG DẦU KHẨN CẤP

CAF (CURRENCY ADJUSTMENT FACTOR): PHỤ PHÍ BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ NGOẠI TỆ

CIC (CONTAINER IMBALANCE CHARGE): PHỤ PHÍ MẤT CÂN ĐỐI VỎ CONTAINER

PSS (PEAK SEASON SURCHARGE): PHỤ PHÍ MÙA CAO ĐIỂM

- LOCAL CHARGES Ở POD/POL:

THC: TERMINAL HANDLING CHARGES

CIC

CFS: CONTAINER FREIGHT STATION CHARGES (ÁP DỤNG CHO LCL)

DOC FEE

HANDLING FEE

BILL FEE

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỖ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

I. KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

❖ ƯU ĐIỂM:

- CÁC TUYẾN ĐƯỜNG VẬN TẢI HÀNG KHÔNG HẦU HẾT LÀ CÁC ĐƯỜNG THẲNG NỐI HAI ĐIỂM VẬN TẢI VỚI NHAU
- TỐC ĐỘ CỦA VẬN TẢI HÀNG KHÔNG CAO, TỐC ĐỘ KHAI THÁC LỚN, THỜI GIAN VẬN CHUYỂN NHANH.
- VẬN TẢI HÀNG KHÔNG AN TOÀN HƠN SO VỚI CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁC
- VẬN TẢI HÀNG KHÔNG LUÔN ĐÒI HỎI SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
- VẬN TẢI HÀNG KHÔNG CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ TIÊU CHUẨN HƠN HẸN SO VỚI CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁC
- VẬN TẢI HÀNG KHÔNG ĐƠN GIẢN HOÁ VỀ CÁC CHỨNG TỪ, THỦ TỤC SO VỚI CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁC

❖ NHƯỢC ĐIỂM:

- CƯỚC VẬN TẢI HÀNG CAO.
- KHÔNG PHÙ HỢP VỚI VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ CÔNG KÈNH, HÀNG HOÁ CÓ KHỐI LƯỢNG LỚN, HOẶC GIÁ TRỊ THẤP
- ĐÒI HỎI ĐẦU TƯ LỚN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT CŨNG NHƯ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC PHỤC VỤ

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

I. KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

HÀNG HOÁ GÌ SẼ PHÙ HỢP VỚI VẬN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG???

- CÁC LÔ HÀNG NHỎ
- HÀNG HOÁ ĐÒI HỎI GIAO NGAY, AN TOÀN VÀ CHÍNH XÁC
- HÀNG HOÁ CÓ GIÁ TRỊ CAO
- HÀNG HOÁ CÓ CỰ LY VẬN CHUYỂN DÀI

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

I. KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

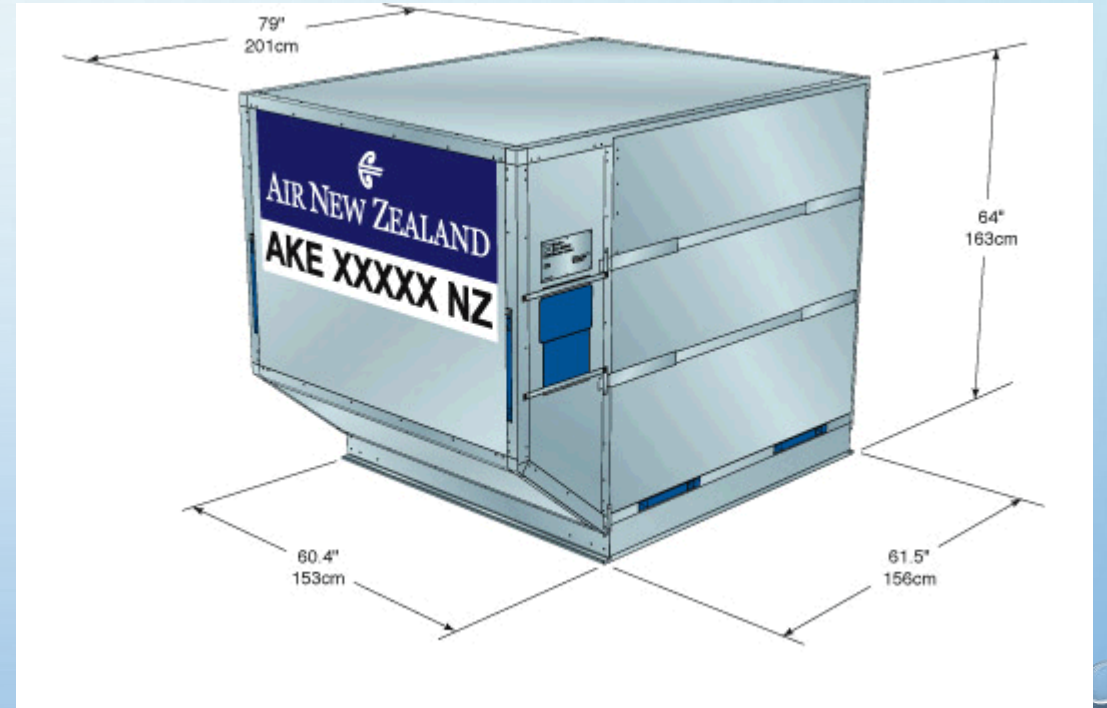
CONTAINER/ PALLET DÙNG CHO HÀNG KHÔNG



II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

I. KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

CONTAINER/ PALLET DÙNG CHO HÀNG KHÔNG



II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

CÁC THÔNG SỐ CHUẨN HÓA TRONG HÀNG KHÔNG:

AIRLINE CODE NUMBER: 738/180...

AWB (SERIAL NUMBER): 738-12345678 (8= CHECK DIGIT)

AIRLINE NAME CODE: VN/ AK/ TG...

AIRPORT CODE: HAN/ HCM/ DAD/ SIN/ HKG

IATA CODE:

CHARGES CODE:

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG (AIRWAYBILL – AWB)

❖ KHÁI NIỆM VÀ CHỨC NĂNG CỦA VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG:

▪ **LÀ CHỨNG TỪ VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ, BẰNG CHỨNG CỦA VIỆC KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VÀ VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ BẰNG MÁY BAY, VỀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG VÀ VIỆC ĐÃ TIẾP NHẬN HÀNG HOÁ ĐỂ VẬN CHUYỂN. (LUẬT HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG)**

▪ CHỨC NĂNG:

+ LÀ BẰNG CHỨNG CỦA MỘT HỢP ĐỒNG VẬN TẢI ĐÃ ĐƯỢC KÝ KẾT GIỮA NGƯỜI CHUYÊN CHỞ VÀ NGƯỜI GỬI HÀNG

+ LÀ BẰNG CHỨNG CỦA VIỆC NGƯỜI CHUYÊN CHỞ HÀNG KHÔNG ĐÃ NHẬN HÀNG

+ LÀ GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

+ LÀ CHỨNG TỪ KÊ KHAI HẢI QUAN CỦA HÀNG HOÁ

+ LÀ HƯỚNG DẪN CHO NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG TRONG QUÁ TRÌNH PHỤC VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ

+ VẬN ĐƠN KHÔNG PHẢI LÀ CHỨNG TỪ SỞ HỮU HÀNG HOÁ => KHÔNG THỂ GIAO DỊCH ĐƯỢC

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG (AIRWAYBILL – AWB)

PHÂN LOẠI VẬN ĐƠN:

- CĂN CỨ VÀO NGƯỜI PHÁT HÀNH:

- + VẬN ĐƠN CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG (AIRLINE ARWAY BILL)

- + VẬN ĐƠN TRUNG LẬP (NEUTRAL BILL)

- CĂN CỨ VÀO VIỆC GOM HÀNG:

- + VẬN ĐƠN CHỦ (MASTER AIRWAY BILL – MAWB)

- + VẬN ĐƠN CỦA NGƯỜI GOM HÀNG (HOUSE AIRWAY BILL – HAWB)

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG (AIRWAYBILL – AWB)

❖ NỘI DUNG CỦA VẬN ĐƠN:

- ĐƯỢC IN THEO MẪU TIÊU CHUẨN CỦA HIỆP HỘI VẬN TẢI HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ IATA (IATA STANDARD FORM)
- BỘ VẬN ĐƠN GỒM NHIỀU BẢN: 03 BẢN GỐC VÀ CÁC BẢN PHỤ
- MỖI BẢN VẬN ĐƠN GỒM 02 MẶT, BẢN PHỤ THÌ CHỈ CÓ 01 MẶT

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG (AIRWAYBILL – AWB)

001 NYC 12345678		001-12345678				
Shipper's Name and Address CABLE AND STEEL COMPANY 1234, INDUSTRIAL STREET NEW YORK, USA PHONE 555 55 55		Shipper's Account Number Not Negotiable Air Waybill AMERICAN AIRLINES CARGO P.O. BOX 619616 D/FW AIRPORT, TEXAS U.S.A. Issued by Copies 1, 2 and 3 of this Air Waybill are originals and have the same validity				
Consignee's Name and Address CABLE BIG STORE 4321, ROGERS STREET LONDON, ENGLAND PHONE: 555 12 34		Consignee's Account Number It is agreed that the goods described herein are accepted in apparent good order and condition (except as noted) for carriage SUBJECT TO THE CONDITIONS OF CONTRACT ON THE REVERSE HEREOF. ALL GOODS MAY BE CARRIED BY ANY OTHER MEANS INCLUDING ROAD OR ANY OTHER CARRIER UNLESS SPECIFIC CONTRARY INSTRUCTIONS ARE GIVEN HEREON BY THE SHIPPER AND SHIPPER AGREES THAT THE SHIPMENT MAY BE CARRIED VIA INTERMEDIATE STOPPING PLACES WHICH THE CARRIER DEEMS APPROPRIATE. THE SHIPPER'S ATTENTION IS DRAWN TO THE NOTICE CONCERNING CARRIER'S LIMITATION OF LIABILITY. Shipper may increase such limitation of liability by declaring a higher value for carriage and paying a supplemental charge if required.				
Issuing Carrier's Agent Name and City BOND STUFF FORWARDERS QUEEN STREET 7 LONDON, ENGLAND PHONE: 555 55 12		Accounting Information NOTIFY: SOMEBODY, PH: 555 55 34				
Agent's IATA Code 11-1 0000		Account No. 				
Airport of Departure (Addr. of First Carrier) and Requested Routing NEW YORK CITY		Reference Number Optional Shipping Information				
To By First Carrier Routing and Destination LHR AA		Currency USD Declared Value for Carriage Declared Value for Customs				
Airport of Destination HEATHROW		Requested Flight/Date AA1234/12				
Handling Information		Amount of Insurance INSURANCE - If carrier offers insurance, and such insurance is required in accordance with the conditions thereof, indicate amount to be insured in figures in box marked "Amount of Insurance"				
These commodities, technology or software were exported from the United States in accordance with the Export Administration Regulations. Ultimate Destination		Diversion contrary to U.S. law prohibited.				
No. of Pieces PCP	Gross Weight kg	Rate Class Commodity Item No.	Chargeable Weight kg	Rate Charge	Total	Nature and Quantity of Goods (incl. Dimensions or Volume)
2	324	K			1234.00	SOME ITEMS
2	324.00				1234.00	
Prepaid 1234.00		Weight Charge Collect		Other Charges		
Valuation Charge						
Tax						
Total Other Charges Due Agent		Shipper certifies that the particulars on the face hereof are correct and that insofar as any part of the consignment contains dangerous goods, such part is properly described by name and is in proper condition for carriage by air according to the applicable Dangerous Goods Regulations.				
Total Other Charges Due Carrier						
Total Prepaid 1234.00		Total Collect		Signature of Shipper or its Agent		
Currency Conversion Rates		CC Charges in Dest. Currency		at (place)		
For Carrier's Use only at Destination		Charges at Destination		Signature of Issuing Carrier or its Agent		
		Total Collect Charges		ORIGINAL 1 (FOR ISSUING CARRIER)		
				001-12345678		

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG (AIRWAYBILL – AWB)

NỘI DUNG MẶT SAU CỦA VẬN ĐƠN: CÓ 02 MỤC CHÍNH

➤ THÔNG BÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CHUYÊN CHỞ:

- NGƯỜI CHUYÊN CHỞ THÔNG BÁO SỐ TIỀN LỚN NHẤT MÀ HỌ PHẢI BỒI THƯỜNG TRONG TRƯỜNG HỢP TỒN THẤT HÀNG HOÁ
- TRÔNG BÁO GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC VÀ QUY TẮC QUỐC TẾ

➤ CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

- CÁC ĐỊNH NGHĨA: ĐỊNH NGHĨA VỀ NGƯỜI CHUYÊN CHỞ, ĐỊNH NGHĨA VỀ CÔNG ƯỚC VÁC-SA-VA, ĐỊNH NGHĨA VỀ VẬN CHUYỂN...
- THỜI HẠN TRÁCH NHIỆM CHUYÊN CHỞ CỦA NGƯỜI CHUYÊN CHỞ HÀNG KHÔNG
- CƠ SỞ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CHUYÊN CHỞ HÀNG KHÔNG
- CƯỚC PHÍ CỦA HÀNG HOÁ CHUYÊN CHỞ
- TRỌNG LƯỢNG TÍNH CƯỚC CỦA HÀNG HOÁ CHUYÊN CHỞ
- THỜI HẠN THÔNG BÁO TỒN THẤT
- THỜI HẠN KHIẾU NẠI NGƯỜI CHUYÊN CHỞ
- LUẬT ÁP DỤNG

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG (AIRWAYBILL – AWB)

TRÁCH NHIỆM LẬP VẬN ĐƠN:

- NGƯỜI GỬI HÀNG PHẢI LẬP GIẤY GỬI HÀNG HÀNG KHÔNG THÀNH 03 BẢN GỐC VÀ TRAO CÙNG HÀNG HOÁ (NẾU NGƯỜI CHUYÊN CHỞ YÊU CẦU)
- BẢN THỨ NHẤT GHI DÀNH CHO NGƯỜI CHUYÊN CHỞ VÀ DO NGƯỜI GỬI HÀNG KÝ
- BẢN THỨ HAI DÀNH CHO NGƯỜI NHẬN HÀNG DO NGƯỜI GỬI HÀNG VÀ NGƯỜI CHUYÊN CHỞ CÙNG KÝ VÀ GỬI KÈM CÙNG HÀNG HOÁ
- BẢN THỨ BA DO NGƯỜI CHUYÊN CHỞ KÝ VÀ NGƯỜI CHUYÊN CHỞ GIAO CHO NGƯỜI NHẬN HÀNG SAU KHI NHẬN HÀNG ĐỂ CHỞ
- NGƯỜI CHUYÊN CHỞ SẼ KÝ VÀO VẬN ĐƠN LÚC NHẬN HÀNG: CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHUYÊN CHỞ CÓ THỂ ĐÓNG DẤU; CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI GỬI HÀNG CÓ THỂ KÝ HOẶC ĐÓNG DẤU.

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG (AIRWAYBILL – AWB)

PHÂN PHỐI VẬN ĐƠN: BỘ VẬN ĐƠN CÓ THỂ TỪ 8-14 BẢN (THÔNG THƯỜNG LÀ 9) GỒM 3 BẢN GỐC (ORIGINAL) VÀ CÁC BẢN PHỤ (COPPY) ĐƯỢC ĐÁNH SỐ TỪ 4 ĐẾN 14:

- BẢN GỐC SỐ 01: DÀNH CHO NGƯỜI CHUYÊN CHỞ (MÀU XANH LÁ CÂY), CÓ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI GỬI HÀNG, ĐƯỢC GIỮ LẠI NHẪM MỤC ĐÍCH THANH TOÁN VÀ BẰNG CHỨNG CỦA HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN.
- BẢN GỐC SỐ 02: DÀNH CHO NGƯỜI NHẬN HÀNG (MÀU HỒNG), ĐƯỢC GỬI CÙNG LÔ HÀNG TỚI NƠI ĐẾN CUỐI CÙNG VÀ GIAO CHO NGƯỜI NHẬN KHI GIAO HÀNG.
- BẢN GỐC SỐ 03: DÀNH CHO NGƯỜI GỬI HÀNG, CÓ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHUYÊN CHỞ VÀ NGƯỜI GỬI HÀNG, LÀ BẰNG CHỨNG NGƯỜI CHUYÊN CHỞ ĐÃ NHẬN HÀNG VÀ LÀ HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN.
- BẢN SỐ 04: LÀ BIÊN LAI GIAO HÀNG, CÓ SẴN Ở NƠI ĐẾN CUỐI CÙNG, BẢN NÀY CÓ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI NHẬN HÀNG VÀ ĐƯỢC NGƯỜI CHUYÊN CHỞ CUỐI CÙNG GIỮ LẠI ĐỂ LÀM BIÊN LAI GIAO HÀNG VÀ BẰNG CHỨNG ĐÃ HOÀN THÀNH HỢP ĐỒNG CHUYÊN CHỞ
- BẢN SỐ 05: DÀNH CHO SÂN BAY ĐẾN, CÓ SẴN Ở SÂN BAY ĐẾN

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

CƯỚC HÀNG KHÔNG

❖ KHÁI NIỆM:

- CƯỚC (CHARGE): LÀ SỐ TIỀN PHẢI TRẢ CHO VIỆC CHUYÊN CHỞ MỘT LÔ HÀNG VÀ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN VẬN CHUYỂN
- MỨC CƯỚC HAY GIÁ CƯỚC (RATE): LÀ SỐ TIỀN MÀ NGƯỜI VẬN CHUYỂN THU TRÊN MỘT KHỐI LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN
- MỨC CƯỚC ÁP DỤNG LÀ MỨC GHI TRONG BIỂU CƯỚC HÀNG HOÁ CÓ HIỆU LỰC VÀO NGÀY PHÁT HÀNH VẬN ĐƠN.

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

CƯỚC HÀNG KHÔNG

❖ CƠ SỞ TÍNH CƯỚC:

- THEO TRỌNG LƯỢNG: NẶNG, NHE
- THEO THỂ TÍCH HAY DUNG TÍCH CHIẾM CHỖ TRÊN MÁY BAY ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ NHẸ VÀ CÔNG KÈNH
- THEO GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ CÓ GIÁ TRỊ CAO TRÊN MỘT ĐVI THỂ TÍCH HAY TRỌNG LƯỢNG
- IATA ĐÃ CÓ QUY ĐỊNH VỀ QUY TẮC, THẺ LỆ TÍNH CƯỚC VÀ CHO ÁN HÀNH TRONG BIỂU CƯỚC HÀNG KHÔNG, VIẾT TẮC LÀ TACT (THE AIR CARGO TARIFF)

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

CÁC LOẠI CƯỚC:

- CƯỚC HÀNG BÁCH HOÁ (GCR – GENERAL CARGO RATE)
 - LÀ CƯỚC ÁP DỤNG CHO HÀNG BÁCH HOÁ THÔNG THƯỜNG VẬN CHUYỂN GIỮA HAI ĐIỂM.
 - CƯỚC NÀY ĐƯỢC GIẢM NẾU KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ GỬI TĂNG LÊN
 - CƯỚC HÀNG BÁCH HOÁ ĐƯỢC CHIA LÀM 02 LOẠI:
 - + NẾU KHỐI LƯỢNG < 45KG: ÁP DỤNG CƯỚC HÀNG BÁCH HOÁ THÔNG THƯỜNG (GCR-N: NORMAL GENERAL CARGO RATE)
 - + NẾU KHỐI LƯỢNG > 45KG: ÁP DỤNG CƯỚC BÁCH HOÁ THEO SỐ LƯỢNG (GCR-Q: QUANTITY GENERAL CARGO RATE)
 - CƯỚC HÀNG BÁCH HOÁ ĐƯỢC COI LÀ CƯỚC CƠ BẢN, DÙNG ĐỂ TÍNH TOÁN CHO HÀNG HOÁ CƠ BẢN KHÔNG CÓ CƯỚC RIÊNG

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

CƯỚC HÀNG KHÔNG

➤ CƯỚC TỐI THIỂU (M-MINIMUM RATE)

- LÀ CƯỚC MÀ THẤP HƠN THỂ THÌ CÁC HÃNG HÀNG KHÔNG COI LÀ KHÔNG KINH TẾ ĐỐI VỚI VIỆC VẬN CHUYỂN MỘT LÔ HÀNG, THẬM CHỈ MỘT KIẾN RẤT NHỎ.
- TRONG THỰC TẾ CƯỚC TÍNH CHO MỘT LÔ HÀNG THƯỜNG BẰNG HAY LỚN HƠN MỨC CƯỚC TỐI THIỂU
- CƯỚC TỐI THIỂU PHỤ THUỘC VÀO CÁC QUY ĐỊNH CỦA IATA

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

CƯỚC HÀNG KHÔNG

- CƯỚC TÍNH CHO MỌI LOẠI HÀNG (FAK: FREIGHT ALL KIND)
 - LÀ CƯỚC TÍNH NHƯ NHAU CHO MỌI LOẠI HÀNG XẾP TRONG CONTAINER NẾU NÓ CHIẾM TRỌNG LƯỢNG/THỂ TÍCH NHƯ NHAU
 - CÓ ƯU ĐIỂM ĐƠN GIẢN KHI TÍNH NHƯNG LẠI KHÔNG CÔNG BẰNG, LOẠI HÀNG CÓ GIÁ TRỊ THẤP CŨNG BỊ TÍNH NHƯ HÀNG CÓ GIÁ TRỊ CAO.
- CƯỚC ULD (ULD RATE):
 - LÀ CƯỚC TÍNH CHO HÀNG HOÁ CHUYÊN CHỞ TRONG CÁC ULD ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TIÊU CHUẨN IATA
 - CƯỚC NÀY THẤP HƠN CƯỚC HÀNG RỜI
 - KHI TÍNH CƯỚC KHÔNG PHÂN BIỆT SỐ LƯỢNG, CHỨNG LOẠI HÀNG HOÁ MÀ CHỈ CĂN CỨ VÀO SỐ LƯỢNG, CHỨNG LOẠI ULD
 - SỐ ULD CÀNG LỚN THÌ CƯỚC CÀNG GIẢM

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

CƯỚC HÀNG KHÔNG

➤ CƯỚC PHÂN LOẠI HÀNG (CLASS RATE)

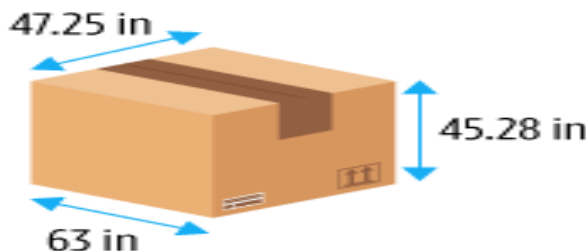
- ÁP DỤNG VỚI HÀNG HOÁ KHÔNG CÓ CƯỚC RIÊNG
- THƯỜNG ĐƯỢC TÍNH THEO PHẦN TRĂM TĂNG HOẶC GIẢM TRÊN CƯỚC HÀNG HOÁ BÁCH HOÁ
- ÁP DỤNG ĐỐI VỚI NHỮNG LOẠI HÀNG HOÁ NHẤT ĐỊNH TRONG NHỮNG KHU VỰC NHẤT ĐỊNH
- CÁC LOẠI HÀNG HOÁ CHÍNH ÁP DỤNG CƯỚC NÀY:
 - + ĐỘNG VẬT SỐNG: TÍNH BẰNG 150% SO VỚI HÀNG HOÁ THÔNG THƯỜNG
 - + HÀNG GIÁ TRỊ CAO NHƯ VÀNG, BẠC, ĐỒ TRANG SỨC: TÍNH 200% CƯỚC HÀNG HOÁ THÔNG THƯỜNG
 - + SÁCH BÁO, TẠP CHÍ, THIẾT BỊ VÀ SÁCH BÁO CHO NGƯỜI MÙ: TÍNH 50% CƯỚC HÀNG HOÁ THÔNG THƯỜNG
 - + HÀNH LÝ ĐƯỢC GỬI CHO HÀNG HOÁ (BAGGAGE SHIPPED AS CARGO): TÍNH 50% CƯỚC HÀNG HOÁ THÔNG THƯỜNG
 - + HÀI CỐT (HUMAN REMAINS), GIÁC MẠC LOẠI NƯỚC (DEHYDRATED CORNEAS): ĐƯỢC MIỄN PHÍ Ở HẦU HẾT CÁC KHU VỰC TRÊN THẾ GIỚI

Air Freight Shipment 2

Regularly shaped shipment 2pcs
(Gross weight in kg < volumetric weight)

Shipment measurement:

Length (l) = 47.25 in
Width (w) = 63 in
Height (h) = 45.28 in
Gross Weight (g) = 1102 lbs
Number of boxes = 2



Volume Calculation:

Volume = (length X width X height) x 2
= (47.25in x 63in x 45.28in) x 2
= 269574.48 cubic inches

Convert the imperial measurement into cubic meters:

Formula: 61,024 cubic inches = 1 cbm

269574.48 cubic inches = 4.42cbm

Finalise the volumetric weight:

Air cubic conversion factor = 167
Volumetric weight = CBM X 167
= 4.42cbm x 167
= 738.14 kgs



Convert the imperial measurement into kgs:

Formula: 1 lbs = 0.4536kg thus, 1102 lbs = 500kgs

Gross weight vs volumetric weight = 500 kgs vs 738.14kgs

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

CÁCH TÍNH CƯỚC HÀNG KHÔNG CHO HÀNG HÓA THÔNG THƯỜNG:

VOLUMME WEIGHT:

DÀI X RỘNG X CAO (CM) CHIA 6000

DÀI X RỘNG X CAO (M) NHÂN 167

II. NGHIỆP VỤ CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XNK BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

AIRFREIGHT TABLE: SEE ATTACH

BÀI TẬP:

XÁC ĐỊNH TRỌNG LƯỢNG TÍNH CƯỚC CHO LÔ HÀNG SAU:

2 KIỆN

GW: 256KG

DIMENSION: 100X120X150CM

DỰA VÀO BẢNG GIÁ CƯỚC TÍNH TỔNG SỐ TIỀN CƯỚC PHẢI TRẢ CHO LÔ HÀNG?



AIR FREIGHT PROCESS

